

Số: 206/QĐ-UBND

Đức Lương, ngày 20 tháng 08 năm 2021

**QUYẾT ĐỊNH**

**Về việc công bố công khai quyết toán ngân sách năm 2020 của UBND xã Đức Lương**

**ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ ĐỨC LƯƠNG**

*Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19/06/2015;*

*Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;*

*Căn cứ Thông tư số 343/2016/TT-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với các cấp ngân sách;*

*Căn cứ Nghị quyết số 20/NQ-HĐND ngày 25/07/2021 của Hội đồng nhân dân xã Đức Lương về việc phê chuẩn quyết toán ngân sách năm 2020;*

*Xét đề nghị của Ban tài chính xã,*

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Công bố công khai quyết toán ngân sách năm 2020 của UBND xã Đức Lương (Có biểu chi tiết số 116,117,118,119,120/CK TC-NSNN và thuyết minh quyết toán ngân sách xã kèm theo).

**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

**Điều 3.** Văn phòng Ủy ban nhân dân xã Đức Lương, Ban tài chính tổ chức thực hiện Quyết định này./.

**Nơi nhận:**

- Đảng ủy xã;
- HĐND xã;
- Cơ quan của các đoàn thể ở xã;
- Các trưởng thôn trong xã;
- Lưu: VP.

**CHỦ TỊCH**



**Triệu Quang Hưởng**



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**  
**XÃ ĐỨC LƯƠNG NĂM 2020**

*Căn cứ Thông tư số 342/2016/TT-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Bộ Tài chính Quy định chi tiết và hướng dẫn thực hiện Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ;*

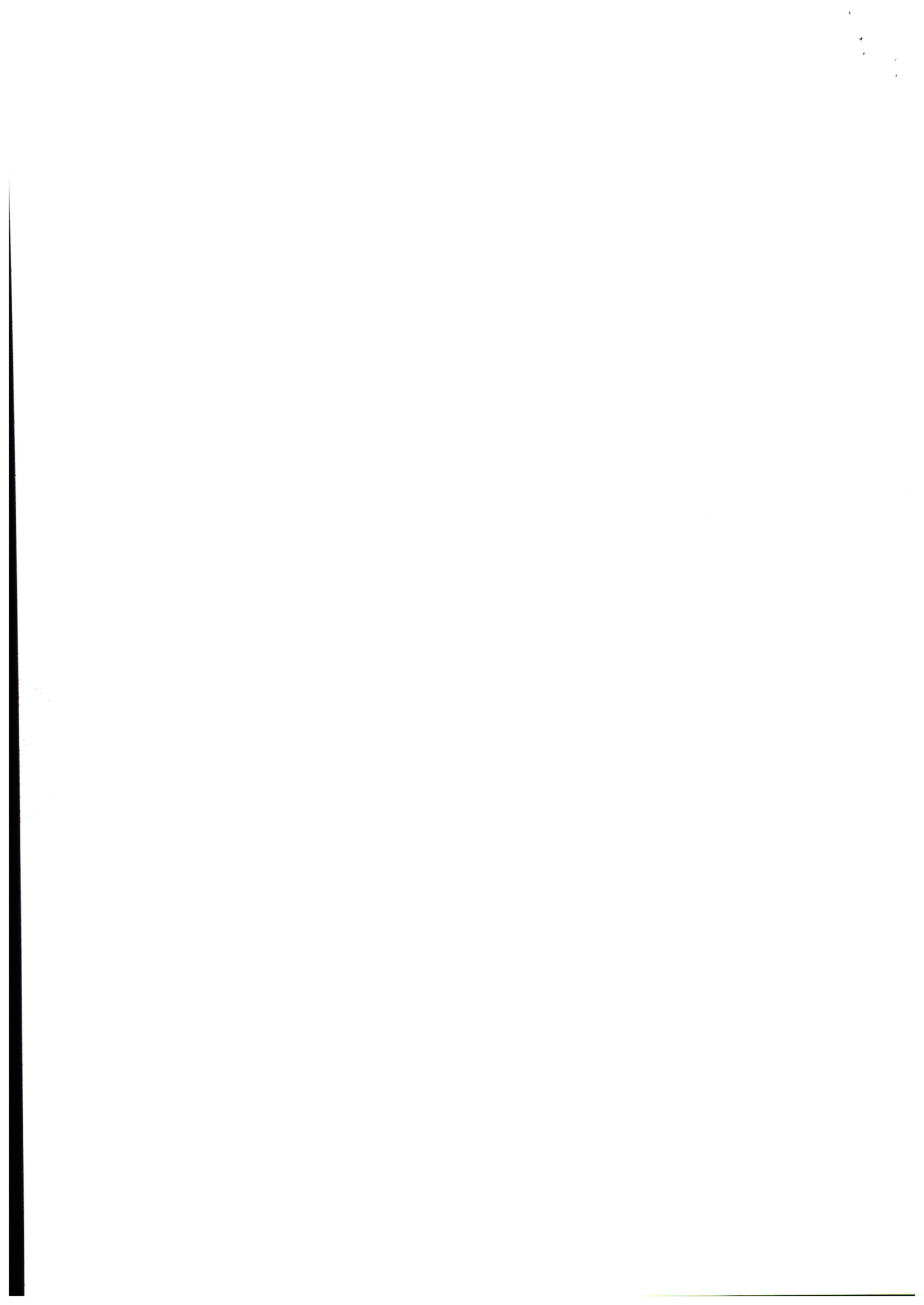
*Căn cứ công văn số 38/TCKH-QLNS ngày 27/02/2021 của Phòng Tài chính kế hoạch huyện Đại Từ Về việc báo cáo tình hình sử dụng trợ cấp có mục tiêu ngoài kế hoạch năm 2020; phân tích tồn quỹ năm 2020, dự kiến chuyển nguồn năm 2020 sang năm 2021, nguồn dự phòng ngân sách;*

UBND xã Đức Lương báo cáo tình hình sử dụng trợ cấp có mục tiêu ngoài kế hoạch năm 2020; phân tích tồn quỹ năm 2020, dự kiến chuyển nguồn năm 2020 sang năm 2021, nguồn dự phòng ngân sách như sau:

**1. Báo cáo tình hình sử dụng nguồn trợ cấp có mục tiêu ngân sách huyện bổ sung cho ngân sách xã ngoài kế hoạch giao đầu năm 2020:**

STT	Nội dung chi	Số tiền NS huyện bổ sung cho NS xã	Số tiền NS xã đã chi trong năm	Trả lại NS huyện
1	Duy tu, nâng cấp đường Mon Đình, Na Muông, Chùa Chình	427.000.000	427.000.000	
2	Đường giao thông liên xóm Đồi- Chùa Chình xã Đức Lương	796.000.000	796.000.000	
3	Kênh mương Cây Ngà Tiên Phong	750.000.000	750.000.000	
4	Đường giao thông liên xóm Tiên Phong- Thống Nhất xã Đức Lương	4.057.618.000	4.057.618.000	
5	Xi măng A cấp XD Đường giao thông liên xóm Tiên Phong- Thống Nhất xã Đức Lương	788.801.500	788.801.500	
6	Kênh mương xóm Thống Nhất xã Đức Lương	714.000.000	714.000.000	
7	Xây dựng nhà văn hóa xóm Tiên Phong, Trung Tâm	300.000.000	300.000.000	
8	Trường TH và THCS Đức Lương; HM: nhà vệ sinh	288.000.000	288.000.000	
9	Thanh toán xi măng phụ trợ NVH xóm	29.190.000	29.190.000	
10	Hỗ trợ thực hiện chính sách tinh giản biên chế theo Nghị định số 108/2014/NĐ-CP của Chính Phủ	71.912.000	71.912.000	
11	An toàn giao thông	5.000.000	5.000.000	
12	Mua khẩu trang phòng chống Covid-19	27.780.000	27.780.000	





13	Kinh phí Đại hội Đảng cấp lần 1	60.000.000	60.000.000	
14	Dịch tả lộn	167.800.000	167.800.000	
15	Phòng chống ma túy	5.000.000	5.000.000	
16	Kinh phí Đại hội Đảng cấp lần 2	61.000.000	61.000.000	
17	Cấp quyền sử dụng đất	32.000.000	32.000.000	
18	Vệ sinh môi trường	3.000.000	3.000.000	
19	Hỗ trợ tiền điện hộ nghèo, hộ CS	38.390.400	38.390.400	
20	Hỗ trợ mua sắm Truyền hình trực tuyến	80.000.000	80.000.000	
21	Duy tu, hỗ trợ mua phân bón PTSX lần 1	213.200.000	213.200.000	
22	Di chuyển đường điện để GPMB xây dựng nhà văn hóa xóm (vốn duy tu lần 1)	39.200.000	39.200.000	
23	Trả nợ sửa chữa sân vận động (vốn duy tu lần 1)	34.000.000	34.000.000	
24	Duy tu, hỗ trợ mua phân bón PTSX lần 2	84.900.000	84.900.000	
25	Cải tạo nghĩa trang liệt sỹ (vốn duy tu lần 2)	27.800.000	27.800.000	
26	Cấp tiền cấp quyền trả nợ CT Sân vận động	50.000.000	50.000.000	
27	Cấp tiền chi trả theo NĐ 76	64.528.250	64.528.250	
28	Cấp tiền 2085	75.500.000	75.500.000	
29	Cấp tiền tuyên truyền nông thôn mới	22.275.000	22.275.000	
<b>Tổng cộng</b>		<b>9.313.895.150</b>	<b>9.313.895.150</b>	<b>0</b>

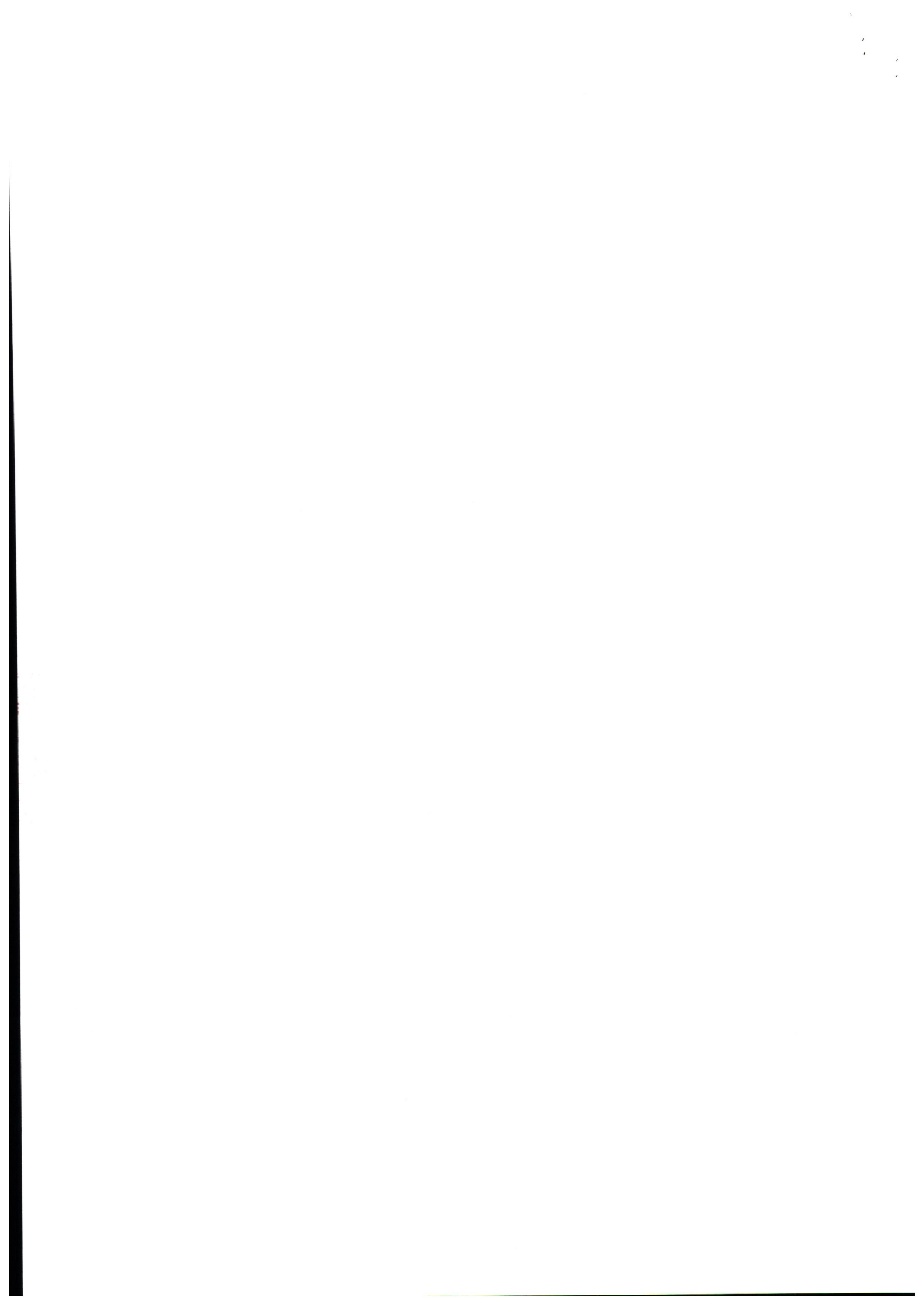
- (1) Trợ cấp theo KH đầu năm: 5.059.000.000  
(2) Giảm trợ cấp do sáp nhập xóm: - 363.000.000  
(3) Phát sinh ngoài kế hoạch: 9.313.895.150  
(4) Giảm trợ cấp do hoàn trả không chi hết: 0  
(5) Tổng trợ cấp năm 2020 (5= 1+2+3+4) = 14.009.895.150  
(6) Tồn quỹ: 189.965.100 đã khớp đối chiếu với KBNN

\* Không còn dư sau thời gian chỉnh lý QT

## 2. Báo cáo tình hình sử dụng kinh phí chuyển nguồn năm 2019 sang năm 2020 chi tiếp.

STT	Chuyển nguồn năm 2019 sang năm 2020		Sử dụng trong năm 2020		Còn dư (Tính đến hết thời gian chỉnh lý)
	Nội dung chuyển nguồn	Số tiền	Nội dung chi	Số tiền	
1	Tiền tăng thu năm 2019	28.458.000	Chưa chi	0	28.458.000
	<b>Tổng cộng</b>	<b>28.458.000</b>		<b>0</b>	<b>28.458.000</b>

## 3. Báo cáo tình hình thực hiện các nhiệm vụ chi năm 2020 chưa chi nhưng trong năm xã không đủ nguồn tồn quỹ để chuyển nguồn.



STT	Nhiệm vụ chi còn phải chi tiếp nhưng xã không đủ tồn quỹ để chuyển nguồn sang năm 2021		Số kinh phí NS xã trong năm 2021 đã tự cân đối nguồn để chi		Số kinh phí xã chưa cân đối được hoặc không chi hết( tính đến hết thời gian chính lý)
	Nhiệm vụ chi	Số tiền	Nội dung chi	Số tiền	
	<b>Tổng cộng</b>				

**4. Phân tích nguồn tồn không chi hết đến hết thời gian chính lý: 189.965.100 đồng**

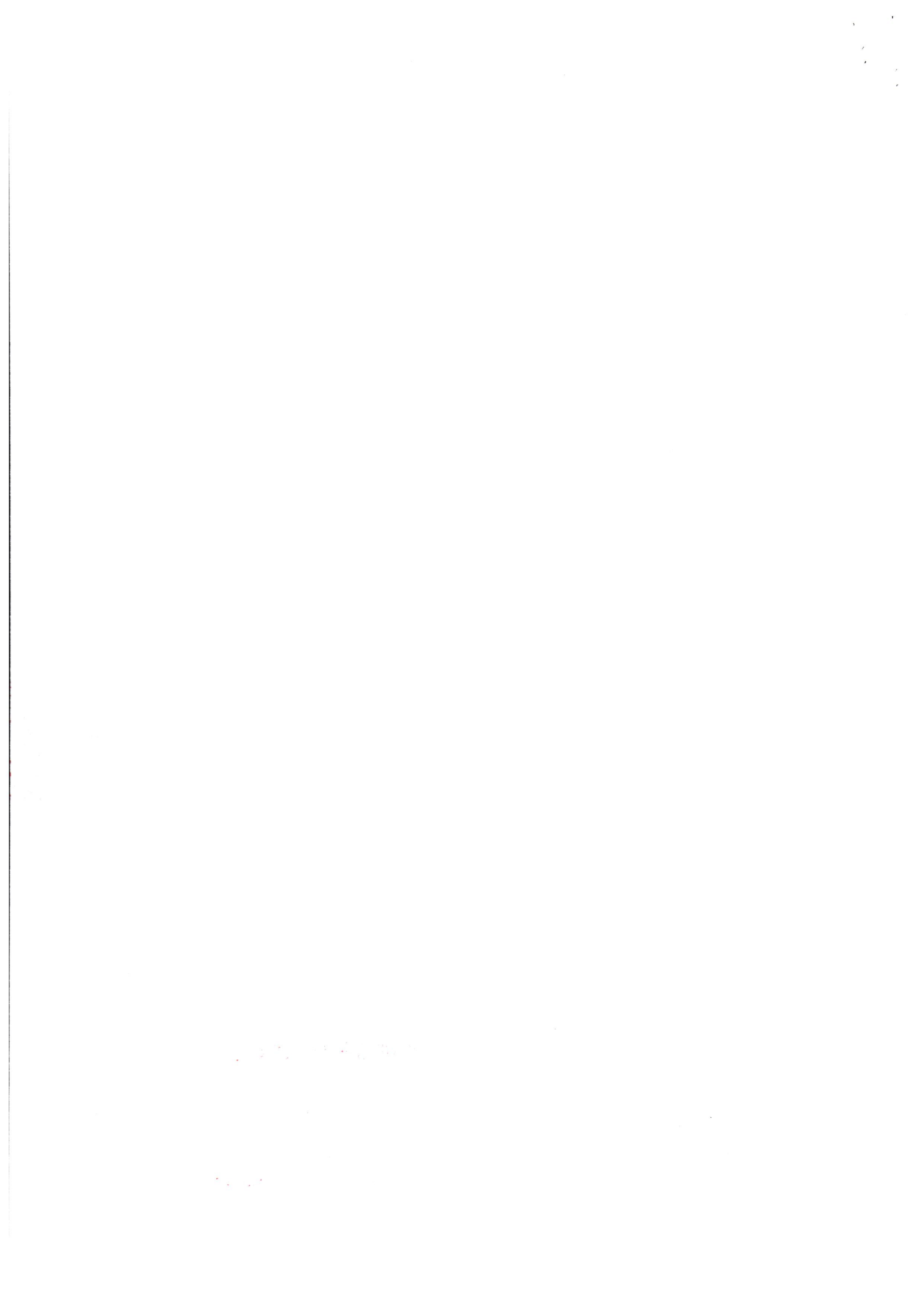
STT	Nội dung nhiệm vụ chi còn tồn không chi hết	Số tiền	Trong đó dự kiến hạch toán năm 2020	
			Chuyển nguồn	Kết dư NS
1	Nguồn thực hiện cải cách tiền lương năm 2020 chưa sử dụng	28.458.000	28.458.000	
2	Tăng thu năm 2020 nguồn cải cách tiền lương 2021 (70%)	13.395.000	13.395.000	
3	Tiết kiệm chi đầu năm	77.300.000	77.300.000	
4	Kết dư	70.812.100		70.812.100
	<b>Tổng cộng</b>		<b>119.153.000</b>	<b>70.812.100</b>

\*Ghi chú: tiền tồn quỹ năm 2020: 189.965.100 đồng (Đã khớp số liệu với KBNN)

**5- Phân tích nguồn dự phòng được giao trong năm 2020**

STT	Số dự phòng ngân sách xã được giao trong năm 2020	Số đã sử dụng trong năm		Số còn tồn
		Nội dung chi	Số tiền	
	55.000.000			
1		Chi cho công tác phòng, chống Covid	16.250.000	
3		Còn tồn		38.750.000







**6- Phân tích nguồn vốn cải cách tiền lương năm 2020:**

TT	Tổng tiền CCTL Năm 2020	Trong đó			Sử dụng 2020		Còn dư Chuyển 2021
		Chuyển nguồn năm 2019	Giao trong năm 2020	Tăng thu (2020) 70%	Nội dung chi	Số tiền	
1	119.153.000	28.458.000	77.300.000	13.395.000	Tăng lương CB	0	119.153.000

**7. Phân tích nguồn chi xây dựng cơ bản năm 2020 quyết toán ngân sách cấp xã.**

**Tổng số chi xây dựng cơ bản năm 2020 quyết toán ngân sách cấp xã là: 190.000.000 đồng**

STT	Nội dung	Số tiền	Ghi chú
1	Chi bằng nguồn xây dựng cơ bản ngân sách cấp huyện, tỉnh cấp bổ sung	0	
2	Chi bằng nguồn xây dựng cơ bản do NS xã tự cân đối	0	
3	Chi bằng nguồn xây dựng cơ bản năm 2019 chuyển nguồn sang 2020	0	
4	Chi bằng nguồn ghi thu chi xi măng	0	
5	Chi từ tiền nhân dân đóng góp bằng tiền mặt	0	
6	Ghi chi nhân dân đóng góp bằng nguyên vật liệu, ngày công và ghi chi tiền tài trợ viện trợ khác	0	
7	Chi bằng nguồn sự nghiệp kinh tế, chi thường xuyên: Cải tạo, chỉnh trang , nâng cấp khuôn viên UBND xã Đức Lương;HM: Sửa chữa nhà để xe	99.000.000	
8	Chi bằng nguồn sự nghiệp kinh tế, chi thường xuyên: Cải tạo khuôn viên nghĩa trang liệt sỹ xã Đức Lương	91.000.000	
	<b>Tổng cộng</b>	<b>190.000.000</b>	

Trên đây là thuyết minh báo cáo tình hình tài chính năm 2020 của UBND xã Đức Lương.

Người lập

**Lương Thị Quỳnh**

**Chủ tịch UBND xã**

**Triệu Quang Hưởng**

1941  
1942  
1943  
1944  
1945  
1946  
1947  
1948  
1949  
1950  
1951  
1952  
1953  
1954  
1955  
1956  
1957  
1958  
1959  
1960  
1961  
1962  
1963  
1964  
1965  
1966  
1967  
1968  
1969  
1970  
1971  
1972  
1973  
1974  
1975  
1976  
1977  
1978  
1979  
1980  
1981  
1982  
1983  
1984  
1985  
1986  
1987  
1988  
1989  
1990  
1991  
1992  
1993  
1994  
1995  
1996  
1997  
1998  
1999  
2000  
2001  
2002  
2003  
2004  
2005  
2006  
2007  
2008  
2009  
2010  
2011  
2012  
2013  
2014  
2015  
2016  
2017  
2018  
2019  
2020  
2021  
2022  
2023  
2024  
2025

1941  
1942  
1943  
1944  
1945  
1946  
1947  
1948  
1949  
1950  
1951  
1952  
1953  
1954  
1955  
1956  
1957  
1958  
1959  
1960  
1961  
1962  
1963  
1964  
1965  
1966  
1967  
1968  
1969  
1970  
1971  
1972  
1973  
1974  
1975  
1976  
1977  
1978  
1979  
1980  
1981  
1982  
1983  
1984  
1985  
1986  
1987  
1988  
1989  
1990  
1991  
1992  
1993  
1994  
1995  
1996  
1997  
1998  
1999  
2000  
2001  
2002  
2003  
2004  
2005  
2006  
2007  
2008  
2009  
2010  
2011  
2012  
2013  
2014  
2015  
2016  
2017  
2018  
2019  
2020  
2021  
2022  
2023  
2024  
2025

UBND XÃ *ĐỨC LƯƠNG*



Biểu số 116/CK TC-NSNN

**CÂN ĐỐI QUYẾT TOÁN NGÂN SÁCH XÃ NĂM 2020**  
 (Quyết toán đã được Hội đồng nhân dân phê chuẩn)

Đơn vị: 1000 đồng

NỘI DUNG	QUYẾT TOÁN	NỘI DUNG CHI	QUYẾT TOÁN
<b>TỔNG SỐ THU</b>	<b>14.407.008</b>	<b>TỔNG SỐ CHI</b>	<b>14.336.195</b>
I. Các khoản thu xã hưởng 100%	35.079	I. Chi đầu tư phát triển	8.146.919
II. Các khoản thu phân chia theo tỷ lệ <sup>(1)</sup>	82.057	II. Chi thường xuyên	6.070.123
III. Thu bổ sung		III. Chi chuyển nguồn của ngân sách xã sang năm sau (nếu có)	119.153
- Bổ sung cân đối	3.774.000		
- Bổ sung có mục tiêu	10.235.895		
IV. Thu kết dư ngân sách năm trước	251.519	IV. Chi nộp trả ngân sách cấp trên	
V. Thu viện trợ			
VI. Thu chuyển nguồn từ năm trước sang của ngân sách xã	28.458		
<b>Kết dư ngân sách</b>	<b>70.813</b>		

Ghi chú: (1) Bao gồm 4 khoản thu từ thuế, lệ phí luật NSNN quy định cho ngân sách xã hưởng và những khoản khác.





## QUYẾT TOÁN THU NGÂN SÁCH XÃ NĂM 2020

(Quyết toán đã được Hội đồng nhân dân phê chuẩn)

Đơn vị: 1000 đồng

S T T	NỘI DUNG	DỰ TOÁN		QUYẾT TOÁN		SO SÁNH (%)	
		THU NSNN	THU NSX	THU NSNN	THU NSX	THU NSNN	THU NSX
A	B	1	2	3	4	5=3/1	6=4/2
	<b>TỔNG THU</b>	<b>5.157.000</b>	<b>5.157.000</b>	<b>14.782.570</b>	<b>14.407.008</b>	<b>287</b>	<b>279</b>
<b>I</b>	<b>Các khoản thu 100%</b>	<b>39.800</b>	<b>39.800</b>	<b>35.079</b>	<b>35.079</b>	<b>88</b>	<b>88</b>
	Phí, lệ phí	17.800	17.800	20.829	20.829	117	117
	Thu từ quỹ đất công ích và thu hoa lợi công sản khác						
	Thu từ hoạt động kinh tế và sự nghịệp						
	Thu khác theo quy định	22.000	22.000	14.250	14.250	65	65
<b>II</b>	<b>Các khoản thu phân chia theo tỷ lệ phần trăm (%)</b>	<b>58.200</b>	<b>58.200</b>	<b>457.619</b>	<b>82.057</b>	<b>786</b>	<b>141</b>
<b>1</b>	<b>Các khoản thu phân chia</b>						
	Thu thuế thu nhập cá nhân từ sản xuất kinh doanh	11.500	11.500	7.256	7.256	63	63
	Thuế hộ khoán cố định GTGT	24.000	24.000	25.561	25.561	107	107
	Thu thuế thu nhập cá nhân từ chuyển nhượng BĐS	15.200	15.200	37.098	37.098	244	244
	Lệ phí trước bạ nhà đất	7.500	7.500	12.142	12.142	162	162
<b>2</b>	<b>Các khoản thu phân chia khác do cấp tỉnh quy định</b>			375.562			
<b>III</b>	<b>Thu viện trợ không hoàn lại trực tiếp cho xã (nếu có)</b>						
				28.458	28.458		
<b>IV</b>	<b>Thu chuyển nguồn</b>						
<b>V</b>	<b>Thu kết dư ngân sách năm trước</b>			251.519	251.519		
<b>VI</b>	<b>Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên</b>	<b>5.059.000</b>	<b>5.059.000</b>	<b>14.009.895</b>	<b>14.009.895</b>	<b>277</b>	<b>277</b>
	- Thu bổ sung cân đối	4.179.000	4.179.000	3.774.000	3.774.000	90	90
	- Thu bổ sung có mục tiêu	880.000	880.000	10.235.895	10.235.895	1.163	1.163



**QUYẾT TOÁN CHI NGÂN SÁCH XÃ NĂM 2020**  
(Quyết toán đã được Hội đồng nhân dân phê chuẩn)

Đơn vị: 1000 đồng

STT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN			QUYẾT TOÁN			TỔNG SỐ	ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN	THƯỜNG XUYỀN	TỔNG SỐ	ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN	THƯỜNG XUYỀN	ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN	THƯỜNG XUYỀN
		TỔNG SỐ	ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN	THƯỜNG XUYỀN	TỔNG SỐ	ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN	THƯỜNG XUYỀN								
A		1	2	3	4	5	7=4/1	8=5/2	9=6/3						
		5.157.000	0	5.157.000	14.336.195	8.146.919	278								120
	Tổng cộng														
1	Chi giáo dục					288.000									
2	Chi ứng dụng, chuyển giao công nghệ														
3	Chi dân quân, an ninh			858.122						718.103					
4	Chi văn hóa, thông tin			25.000		200.000				150.290					
5	Chi y tế			108.420						62.580					
6	Chi thể dục thể thao			35.000		50.000				42.580					
7	Chi các hoạt động kinh tế			90.000		7.533.419				298.100					
8	Chi hoạt động của cơ quan quản lý Nhà nước, Đảng, đoàn thể			3.762.947						4.421.130					
9	Chi cho công tác xã hội			145.211		75.500				377.340					
10	Tiết kiệm chi			77.300											
11	Dự phòng			55.000											
12	Chi chuyển nguồn ngân sách sang năm sau									119.153					





**QUYẾT TOÁN CHI ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN<sup>(1)</sup> NĂM 2020**  
(Quyết toán đã được Hội đồng nhân dân phê chuẩn)

Đơn vị: 1000 đồng

	Thời gian khởi công hoàn thành	Tổng dự toán được duyệt		Giá trị thực hiện từ 01/01 đến 31/12/2019	Giá trị đã thanh toán năm 2020			Nguồn đóng góp
		Tổng số	Trong đó nguồn đóng góp		Tổng số	Trong đó thanh toán khối lượng năm trước	Nguồn cân đối ngân sách	
		13.312.111	0	2.497.000	8.146.919	8.146.919	8.146.919	0
<b>1. Công trình chuyển tiếp</b>		11.316.522	0	2.497.000	7.821.419	7.821.419	7.821.419	
Duy tu, nâng cấp tuyến đường giao thông liên xóm Mon Đình-Na Muồng Chùa Chính xã Đức Lương	2019	1.279.190		778.000	427.000	427.000	427.000	
Đường giao thông liên xóm Dồi- Chùa Chính xã Đức Lương	2019	1.258.906		419.000	796.000	796.000	796.000	
Kênh mương cây Ngà xóm Tiên Phong xã Đức Lương	2019	1.215.920		400.000	750.000	750.000	750.000	
Kênh mương Thống Nhất xã Đức Lương	2019	1.220.765		400.000	714.000	714.000	714.000	
Trường tiểu học và THCS Đức Lương; HM: Nhà vệ sinh học sinh	2019	445.629		100.000	288.000	288.000	288.000	
<i>Trong đó: hoàn thành trong năm</i>								
Đường giao thông liên xóm Tiên Phong- Thống Nhất xã Đức Lương	2019-2020	5.896.112		400.000	4.846.419	4.846.419	4.846.419	
<b>2. Công trình khởi công mới</b>		1.920.089	0	0	250.000	250.000	250.000	
<i>Trong đó: hoàn thành trong năm</i>								
Xây dựng nhà văn hóa xóm Trung Tâm	2020	563.128		0	100.000	100.000	100.000	
Xây dựng nhà văn hóa xóm Tiên Phong	2020	588.576		0	100.000	100.000	100.000	
Sân trung tâm văn hóa thể thao xã Đức Lương. Hạng mục: Công, hàng rào, rãnh thoát nước, đường bê tông, san tạo phẳng mặt sân	2020	768.385		0	50.000	50.000	50.000	
<b>3. Dự án hỗ trợ khác trong năm 2020</b>		75.500	0	0	75.500	75.500	75.500	
Dự án: Hỗ trợ chuyển đổi nghề và nước sinh hoạt phân tán cho người dân theo Quyết định 2085/QĐ-TTG ngày 31/10/2016 của Thủ Tướng Chính phủ năm 2020 xã Đức Lương	2020	75.500		0	75.500	75.500	75.500	



1000



## THỰC HIỆN THU, CHI CÁC HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH KHÁC NĂM 2020

(Quyết toán đã được Hội đồng nhân dân phê chuẩn)

Đơn vị: 1000 đồng

NỘI DUNG	KẾ HOẠCH			THỰC HIỆN		
	THU	CHI	CHÊNH LỆCH (+) (-)	THU	CHI	CHÊNH LỆCH (+) (-)
<b>TỔNG SỐ</b>	<b>183.083</b>	<b>136.428</b>	<b>46.655</b>	<b>183.083</b>	<b>136.428</b>	<b>46.655</b>
1. Các quỹ tài chính nhà nước ngoài ngân sách	<b>183.083</b>	<b>136.428</b>	<b>46.655</b>	<b>183.083</b>	<b>136.428</b>	<b>46.655</b>
- Quỹ đền ơn đáp nghĩa	30.265	10.805	19.460	30.265	10.805	19.460
- Quỹ bảo trợ trẻ em	12.674	10.266	2.408	12.674	10.266	2.408
- Quỹ vì người nghèo	12.156	766	11.390	12.156	766	11.390
- Quỹ người cao tuổi	16.358	14.533	1.825	16.358	14.533	1.825
- Quỹ khuyến học	2.592	2.592	0	2.592	2.592	0
- Quỹ nhân đạo	17.955	6.833	11.122	17.955	6.833	11.122
- Quỹ phòng chống thiên tai	16.779	16.779	0	16.779	16.779	0
- quỹ phòng chống covid	33.950	33.500	450	33.950	33.500	450
2. Chi hộ			0			0
- Quỹ hỗ trợ xây nhà ở khó khăn	30.000	30.000	0	30.000	30.000	0
- Đối ứng 135	7.500	7.500	0	7.500	7.500	0
- Y TẾ	854	854	0	854	854	0
- Sinh con đúng chính sách	2.000	2.000	0	2.000	2.000	0

Ghi chú: Chênh lệch (+) thu lớn hơn chi

Chênh lệch (-) thu nhỏ hơn chi

